TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 300/2018/HS-PT
Ngày 11 tháng 6 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Yên

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Đức Anh – Cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Hồ Sĩ Hoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 564/2015/HSPT ngày 09 tháng 09 năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Quốc S và Đinh Thanh S1 do có kháng cáo của các bị cáo, bị đơn dân sự đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2015/HSST ngày 31/7/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

1/ **Nguyễn Quốc S**, sinh năm 1974; Nơi ĐKHKTT: 3/50A TKH, Phường 1, thành phố TA, Long An; Chỗ ở hiện nay: 398 HV, Phường 3, thành phố TA, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị I N, sinh năm 1956; Vợ: Nguyễn Thị Ngọc Nh, sinh năm: 1973 và có 03 con: lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/5/2012 cho đến nay (có mặt).

2/ **Đinh Thanh S1** (Thiết), sinh ngày 21/6/1988; Nơi ĐKHKTT: 212 ấp TT, xã THĐ, huyện CT, Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Đinh Văn L, sinh năm 1957 và bà Hà Thị L1, sinh năm 1958; Vợ: Huỳnh Thị Ngọc G, sinh năm 1986 và có 02 con: lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ

nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại điều tra cho đến nay (có mặt).

Luật sư Trần Đình X bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc S.

Luật sư Nông Thị Hồng Nh1 bào chữa cho bị cáo Đinh Thanh S1

Người bị hại:

1. Dương Thị L2, sinh năm 1958; Địa chỉ: 53 NT, phường 3, thành phố TA, tỉnh Long An (có mặt).

2. Đoàn Thị B, sinh năm 1952; Địa chỉ: 120 HĐ, phường 3, thành phố TA, tỉnh Long An (có mặt).

3. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968; Địa chỉ: 229/5 ấp kỳ châu, Xã BQ, CT, Long An (có mặt).

4. Nguyễn Thị Ngọc L3 (Dung), sinh năm 1969; Địa chỉ: 46/60 TKH, Phường 1, Thành phố TA, Tỉnh Long An (có mặt).

Bị đơn dân sự: Công ty Trách nhiệm hữu hạn HT do bà Nguyễn Thị I N, sinh năm 1956 làm giám đốc; địa chỉ: 398 HV, phường 3, thành phố TA, tỉnh Long An (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Quốc H, sinh năm 1956. (có mặt)

2. Nguyễn Thị Ngọc Nh, sinh năm 1973. (có mặt)

Cùng địa chỉ: 398 HV, phường 3, thành phố TA, tỉnh Long An.

3. Trần Tấn Ph, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp 3, xã TT, huyện TH, tỉnh Long An (vắng mặt).

4. Trần Thanh Q, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp ÔH, xã TP, huyện TH, tỉnh Long An (vắng mặt).

NHẬN THẤY

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An và Bản án hình sự sơ thẩm của tỉnh Long An thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH HT tại ấp 1, xã Mỹ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An do bà Nguyễn Thị I N làm giám đốc, Nguyễn Quốc S là Phó Giám đốc. Nguyễn Quốc S (con ruột của bà I Nê) sống chung với cha, mẹ ruột tại số 398 HV, phường 3, thành phố TA, tỉnh Long An.

Quá trình kinh doanh tại Công ty từ năm 2009 đến 2011 Nguyễn Quốc S có vay mượn tiền của nhiều người gồm: Nguyễn Thị H1, Đoàn Thị B, Dương Thị

L2, Nguyễn Thị Ngọc L3 (Dung), Nguyễn Thị L4 (Duyên) và Nguyễn Thị M. Đến tháng 11/2011 Nguyễn Thị H1, Đoàn Thị B, Dương Thị L2, Nguyễn Thị Ngọc L3 (Dung) có đơn tố cáo Nguyễn Quốc S sau khi vay được tiền, đã dùng thủ đoạn gian dối như: tráo biên nhận vay tiền không phải là chữ viết, chữ ký nhận nợ của Nguyễn Quốc S, lấy cắp sổ ghi nợ, mượn sổ nợ rồi không trả, nhằm chiếm đoạt số tiền đã vay như sau:

Đối với việc vay tiền của bà Nguyễn Thị H1:

Từ năm 2009 Nguyễn Thị H1 cho Nguyễn Quốc S vay tiền để sử dụng cho việc kinh doanh của Công ty TNHH HT, lãi suất vay thỏa thuận 2.000.000 đồng/ngày. Khi S có nhu cầu thì điện thoại báo số tiền cần vay, bà H1 sẽ trực tiếp hoặc cho người nhà đem tiền đến nhà tại số 398 HV, phường 3, Thành phố TA, tỉnh Long An hoặc tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Long An giao cho Nguyễn Quốc S nhận và ký vào sổ nợ S vay do bà H1 lập. Nếu S không có ở nhà thì gọi điện cho Cổ Thị Xuân H2 là kế toán của Công ty TNHH HT nhận tiền rồi ghi vào sổ nợ của bà H1, ghi vào sổ nhật ký thu – chi của gia đình Nguyễn Quốc S và ghi vào sổ vay nợ của S lập để tại bàn kế toán của H2, S sẽ ký nhận vào sổ nợ của bà H1 sau đó; trường hợp H2 không có mặt ở Công ty thì kế toán Cổ Thị Xuân Th hoặc Nguyễn Thị Thùy Tr thay H3 làm công việc trên. Khi S trả tiền vốn hoặc lãi thì điện thoại cho bà H1 đến nhận tiền từ kế toán Cổ Thị Xuân H2 hoặc Cổ Thị Xuân Th, sau đó bà H1 ký nhận tiền vào sổ nợ của hai bên. Định kỳ bà H1 và S đối chiếu sổ nợ, tính lãi các lần vay tiền, kết lãi, kết tiền vay gốc.

Từ ngày 01/05/2011 đến 30/6/2011 Nguyễn Thị H1 đã cho Nguyễn Quốc S vay số tiền 4.235.000.000 đồng. Ngày 30/6/2011 Nguyễn Quốc S kết số lãi phát sinh đối với số tiền đã vay của bà H1 là 407.230.000 đồng, thỏa thuận trả dần số lãi trên cho bà H1 mỗi ngày từ 10.000.000 đồng – 20.000.000 đồng vào cuối buổi chiều của ngày tại nhà số 398 HV, Phường 3, Thành phố TA, Long An.

Từ ngày 02/7/2011 đến 25/7/2011, bà H1 tiếp tục cho S vay thêm số tiền 900.000.000 đồng, trong đó ngày 22/7/2011 cho S vay 200.000.000 đồng và ngày 25/7/2011 cho S vay 100.000.000 đồng; nâng tổng tiền S vay lên 5.135.000.000 đồng. Từ cuối tháng 09/2011 bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu S trả lại số tiền đã cho S vay, do không có tiền trả cho bà H1 và muốn chiếm đoạt số tiền 5.135.000.000 đồng của bà H1 và một số người khác.Vào thời gian khoảng cuối tháng 09/2011 Nguyễn Quốc S nhiều lần tâm sự với Đinh Thanh S1 (Thiết) đã vay tiền của bà Đoàn Thị B, Dương Thị L2, Nguyễn Thị H1 với lãi suất cao, S trả lãi cho những người này rất nhiều rồi, hiện không còn khả năng trả nữa và không muốn trả tiền cho những người này nữa. Nguyễn Quốc S nhờ Đinh Thanh

S1 (Thiết) giúp Nguyễn Quốc S đi tráo biên nhận nợ của Đoàn Thị B, Dương Thị L2, lấy cắp sổ nợ của Nguyễn Thị H1 để họ không còn bằng chứng đòi tiền S. S hứa sẽ cho Thiết số tiền 300.000.000 đồng, nếu bị phát hiện thì S sẽ chịu trách nhiệm hết cho Đinh Thanh S1 (Thiết), đồng thời dọa đuổi việc nếu Đinh Thanh S1 (Thiết) không làm theo yêu cầu của S, sợ bị đuổi việc và nếu làm theo yêu cầu của Nguyễn Quốc S thì sẽ được một số tiền lớn nên Đinh Thanh S1 (Thiết) đồng ý. Sau khi thực hiện việc tráo đổi biên nhận nợ của Đoàn Thị B và Dương Thị L2 thành công. Vào khoảng giữa tháng 10/2011 Nguyễn Quốc S đưa cho Đinh Thanh S1 (Thiết) 03 lần tiền để đến nhà chị H1 trả cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: thời gian vào khoảng 20 giờ 30 phút, Nguyễn Quốc S đưa cho Đinh Thanh S1 (Thiết) số tiền 50 triệu đồng để mang đến nhà bà H1 tại số: 229/5 ấp KC, xã BQ, CT, Long An trả, đồng thời dặn Đinh Thanh S1 (Thiết) nếu có cơ hội thì lấy trộm quyển sổ ghi nợ Nguyễn Quốc S vay do bà H1 đang giữ. Đinh Thanh S1 đến nhà gặp bà H1 trả tiền, thấy sổ ghi nợ S vay để trên kệ, đặt tại bàn vi tính trong phòng khách nhà bà H1 nhưng không có điều kiện lấy trộm nên Đinh Thanh S1 ra về.

- Lần thứ hai: Cách lần đầu khoảng 01-02 ngày, thời gian từ 19 giờ 30, Nguyễn Quốc S đưa cho Đinh Thanh S1 (Thiết) số tiền 30 triệu đồng cùng 01 quyển sổ bìa cứng màu đen, kích thước khoảng 15cm x 20cm có đặc điểm giống với quyển sổ ghi nợ Nguyễn Quốc S vay của bà H1 nhưng bên trong không có chữ viết, đồng thời dặn Đinh Thanh S1 (Thiết) khi trả lãi cho bà H1 nếu có điều kiện thì tráo đổi quyển sổ ghi nợ của bà H1 đang giữ mang về cho S. Đinh Thanh S1 (Thiết) giấu quyển sổ vào thắc lưng quần phía trước bụng rồi một mình đến nhà bà H1. Do bà H1 không có ở nhà, Đinh Thanh S1 (Thiết) đưa tiền cho Đỗ Thị V (con dâu bà H1) nhận, V gọi điện báo cho bà H1 biết và lấy sổ ghi nợ của S vay ra đưa cho Đinh Thanh S1 (Thiết) ký giao tiền rồi đưa sổ lại cho V, do không có điều kiện nên Đinh Thanh S1 (Thiết) không tráo đổi được sổ nợ.

- Lần thứ ba: Vào khoảng 19 giờ 30 ngày hôm sau. Nguyễn Quốc S đưa cho Đinh Thanh S1 (Thiết) 20 triệu đồng và kêu chở Nguyễn Quốc S cùng đi xuống nhà bà H1, nếu có điều kiện thì Nguyễn Quốc S sẽ phụ Đinh Thanh S1 (Thiết) lấy trộm quyển sổ ghi nợ S vay của bà H1. Trước khi đi Nguyễn Quốc S hỏi Đinh Thanh S1 (Thiết) vị trí quyển sổ ghi nợ S vay của bà H1 để vị trí nào trong nhà. Riêng Đinh Thanh S1 (Thiết) thì lấy quyển sổ không có chữ viết bên trong do Nguyễn Quốc S đưa lần trước giấu ở thắc lưng quần phía trước bụng, mục đích để tráo đổi sổ nợ của bà H1. Đinh Thanh S1 (Thiết) chở Nguyễn Quốc S bằng xe Exiter mượn của Trần Thanh Q đến cách nhà bà H1 khoảng 19m thì dừng lại cho Nguyễn Quốc S đi bộ lại đứng gần bậc tam cấp phía trước bên trái nhà bà H1, còn Đinh Thanh S1 để xe Exiter gần chỗ Nguyễn Quốc S đang đứng

rồi đi lại cửa chính nhà bà H1, vừa mở cửa, vừa gọi bà H1. Do bà H1 không có ở nhà, Đinh Thanh S1 (Thiết) vào gặp Đỗ Thị V đưa 20 triệu đồng tại bàn vi tính, đồng thời kêu V lấy sổ ghi nợ S vay ra để ký giao tiền, Đỗ Thị V nói để gọi điện hỏi ý kiến bà H1 rồi đi vào phòng ngủ phía sau phòng khách lấy điện thoại gọi bà H1; thấy V đi vào bên trong phòng ngủ, Đinh Thanh S1 (Thiết) quay ra cửa chính dùng tay vẩy ra hiệu cho Nguyễn Quốc S vào, Nguyễn Quốc S vào hỏi quyển sổ nợ để đâu, Đinh Thanh S1 dùng tay chỉ quyển sổ ghi nợ S vay của bà H1 đang để trên kệ nhựa đặt trên bàn vi tính. Nguyễn Quốc S lấy sổ nợ giấu trước bụng rồi đi nhanh ra ngoài, Đinh Thanh S1 (Thiết) đi nhanh theo sau, để lại 20 triệu đồng trên bàn vi tính. Nguyễn Quốc S cùng Đinh Thanh S1 (Thiết) chạy xe về nhà. Đinh Thanh S1 (Thiết) không biết S đã làm gì đối với quyển sổ nợ lấy trộm của bà H1. Sau khi lấy trộm được sổ ghi nợ của bà H1, Nguyễn Quốc S có kêu Đinh Thanh S1 (Thiết) ký nhận khống vào một quyển sổ tay bìa màu xanh có chữ "TENDER" thể hiện từ ngày 15/8/2011 đến 03/9/2011 Đinh Thanh S1 (Thiết) có nhận 07 lần tiền để đi trả cho bà H1, nhưng thực tế Đinh Thanh S1 (Thiết) không có nhận tiền những lần trên.

Để che giấu hành vi gian dối của mình, Nguyễn Quốc S lập sổ chi tiền cho Đinh Thanh S1 (Thiết) ký nhận khống 07 lần nhận tiền đem trả cho Nguyễn Thị H1 để hợp thức hóa cho việc đã trả nợ với số tiền 5.075.000.000 đồng; ngoài ra S còn tiêu hủy, cất giấu các sổ nhật ký thu - chi của Công ty TNHH HT và gia đình S có phần nội dung ghi chép số tiền vay của bà Nguyễn Thị H1.

Tại Bản Kết luận giám định số 132/KL-PC54 ngày 19/3/2012 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận:

+ Phần chữ viết và chữ ký photo trên 03 tờ photo là chữ viết và chữ ký của Nguyễn Quốc S, Nguyễn Thị H1, Lê Văn T (chồng chị H1).

+ Phần chữ viết tay bằng bút bic màu xanh có nội dung "19/5 mượn 400.000.000 20/5 trả gốc 400.000.000 lãi 1 ng x 2 x 400 = 800.000" phía dưới tờ photo thứ nhất được viết sau phần viết tay photo.

Tại Bản kết luận giám định số 123/KL-PC54 ngày 15/4/2015 của Phòng KTHS Công an tỉnh Long An, kết luận:

+ Chữ viết tay và các chữ ký màu đỏ trên 28 trang giấy do Nguyễn Thị H1 giao nộp Cơ quan điều tra và chữ viết, chữ ký trên hai "Bản tường trình" ghi ngày 22/12/2011 và chữ viết, chữ ký trên "Bản tự khai" năm 2015 của Nguyễn Thị Ngọc Nh SN 1973, ngụ: 398 HV, phường 3, Tp. TA, Long An là do cùng một người viết ra.

+ Các các chữ ký màu xanh ở cuối trang 1; dòng 3, dòng 5 trang 2; dòng 2,4 trang 3; dòng 5,7 trang 9; dòng 2,3 trang 11; dòng 21,22 trang 13; dòng 15,16 trang18; dòng 27,28 trang 19; dòng 2,4,6 trang 24; dòng 25,26,29 trang 25; dòng 2,4 trang 26; dòng 23 trang 27, trên 28 trang giấy do Nguyễn Thị H1 giao nộp Cơ quan điều tra với chữ ký trên hai "Bản tường trình" nghi ngày 22/12/2011 và chữ viết, chữ ký trên "Bản tự khai" năm 2015 của Nguyễn Thị Ngọc Nh SN 1973, ngụ: 398 HV, phường 3, Tp. TA, Long An là do cùng một người viết ra.

+ Các chữ viết màu xanh từ dòng 5 đến dòng 16 trang 1; dòng 3 đến 19 trang 2; dòng 2 đến 20 trang 3; cột bên trái dòng 3,5,7,9,11 và cột bên phải dòng 12,14,16,18 trang 4; dòng 2 đến 19 trang 5; dòng 4 đến 22 trang 6; dòng 2 đến dòng 16 trang 7; dòng 6 đến dòng 20 trang 8; dòng 6 đến dòng 21 trang 9; dòng 2 đến 16 trang 10; dòng 2 đến 17 trang 11; dòng 2 đến 14 trang 12; dòng 2 đến 9 trang 13; dòng 2 đến 16 trang 14; dòng 4 đến 19 trang 15; dòng 3 đến 16 trang 16, dòng 3 đến 19 trang 17; dòng 2 đến 17 trang 18; dòng 2 đến 22 trang 19; dòng 3 đến 19 trang 20; dòng 4 đến 18 trang 21; dòng 3 đến 18 trang 22; dòng 7 đến 22 trang 23; dòng 8 đến 18 trang 24; dòng 6 đến 15 trang 25; dòng 6 đến 20 trang 26; dòng 5 đến 14 trang 27; dòng 6 đến 17 trang 28, trên 28 trang giấy do Nguyễn Thị H1 giao nộp Cơ quan điều tra với mẫu chữ viết, chữ ký trên "04 Bản tự khai" ghi ngày 20/3/2015, 02/12/2014, 20/3/2015, 07/4/2015 của Đinh Thanh S1 (Thiết) SN 1988 là do cùng một người viết ra.

Kết quả đối chất giữa Nguyễn Quốc S và Đinh Thanh S1 (Thiết) thì Nguyễn Quốc S không thừa nhận các nội dung mà Đinh Thanh S1 đã khai tại Cơ quan điều tra.

Ngày 18/3/2015 Cơ quan điều tra tiến hành thực nghiệm điều tra theo lời khai của Đỗ Thị V và Đinh Thanh S1 (Thiết) về tình tiết Đinh Thanh S1 (Thiết) và Nguyễn Quốc S lấy trộm sổ nợ tại nhà bà Nguyễn Thị H1, kết quả thực nghiệm điều tra giữa Đỗ Thị V và Đinh Thanh S1 là phù hợp với nhau.

Như vậy năm 2011 sau khi vay tiền của Nguyễn Thị H1, Nguyễn Quốc S đã chủ mưu cùng với Đinh Thanh S1 (Thiết) đi lấy cắp sổ nợ của bà Nguyễn Thị H1; đồng thời Nguyễn Quốc S cũng đã cất giấu sổ theo dõi việc Nguyễn Quốc S vay tiền của bà Nguyễn Thị H1, cất giấu các sổ nhật ký thu - chi của Công ty TNHH HT và gia đình S có phần nội dung ghi chép số tiền vay Nguyễn Thị H1, và lập sổ cho Đinh Thanh S1 (Thiết) ký nhận khống 07 lần tiền để hợp thức hóa việc trả nợ cho Nguyễn Thị H1 với số tiền 5.075.000.000 đồng. Các hành vi trên của Nguyễn Quốc S và Đinh Thanh S1 (Thiết) đã thể hiện thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt số tiền 5.075.000.000 đồng đã vay mượn của bà H1.

2. Đối với việc vay tiền của bà Dương Thị L2

Do có mối quan hệ với Dương Thị L2 từ trước nên Nguyễn Quốc S đã nhiều lần vay tiền của bà L2, hình thức là khi nhận tiền vay, S viết giấy biên nhận giao cho bà L2 giữ, đến hạn S sẽ thanh toán lãi và viết lại biên nhận nợ mới giao lại cho bà L2. Đến ngày 01/9/2011 số tiền Nguyễn Quốc S vay bà L2 lên đến 1.380.000.000 đồng, lãi suất 06%/tháng.

Từ đầu tháng 9/2011 đến ngày 01/10/2011 Nguyễn Quốc S bàn bạc và đưa tiền cho Đinh Thanh S1 (Thiết) đến nhà bà L2 trả lãi, mục đích lợi dụng lúc trả lãi bà L2 mất cảnh giác sẽ tráo đổi biện nhận nợ không phải là họ, tên và chữ viết, chữ ký của Nguyễn Quốc S nhằm trốn tránh việc trả nợ cho bà L2. Nguyễn Quốc S đã nhờ Trần Thanh Q sinh năm 1990, ngụ: ấp ÔH, xã TP, huyện TH, tỉnh Long An - là nhân viên làm thuê cho Nguyễn Quốc S viết tờ biên nhận với nội dung: "Biên nhận; Tôi có mượn của cô L2 số tiền 1.380.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng) lãi suất 6%/tháng; Long An 1/10/2011; Ký nhận tên Lưu Quốc S2". Sau đó Nguyễn Quốc S đưa tờ biên nhận trên cho Đinh Thanh S1 (Thiết) mang theo khi đến nhà bà L2 trả lãi và tráo đổi tờ biên nhận nợ có chữ viết, chữ ký của Nguyễn Quốc S mang về giao lại cho S.

Đinh Thanh S1 (Thiết) đã đến nhà bà L2 trả lãi được 03 lần mỗi lần số tiền 20.000.000 đồng nhưng không có điều kiện để tráo đổi, khoảng 19 giờ 30 ngày 01/10/2011 Đinh Thanh S1 mang tiền đến nhà bà L2 để trả lãi, bà L2 đi du lịch không có ở nhà, Huỳnh Dương Quốc V1 con bà L2 là người nhận tiền, Đinh Thanh S1 (Thiết) yêu cầu V1 lấy giấy biên nhận nợ cũ ra đưa cho Đinh Thanh S1 để giao lại biên nhận nợ mới, V1 lấy tờ biên nhận nợ cũ do Nguyễn Quốc S viết và ký tên đưa cho Đinh Thanh S1, Đinh Thanh S1 tráo đổi tờ giấy biên nhận nợ tên Lưu Quốc S2 do Nguyễn Quốc S nhờ Trần Thanh Q viết trước đó. Do không biết họ tên của Nguyễn Quốc S nên Huỳnh Dương Quốc Vũ không phát hiện việc Đinh Thanh S1 tráo đổi biên nhận nợ. Đến kỳ hạn trả lãi tiếp theo, bà L2 gặp S để nhận tiền thì S tuyên bố không còn nợ bà L2 vì đã đưa tiền cho Đinh Thanh S1 trả hết nợ. Đồng thời Nguyễn Quốc S yêu cầu bà L2 đưa giấy nợ có chữ viết của S ra thì S sẽ trả nợ. Bà L2 về nhà lấy giấy biên nhận nợ của S ra kiểm tra thì phát hiện là biên nhận nợ không phải chữ viết, chữ ký của Nguyễn Quốc S, biết bị S tráo đổi biên nhận nợ nên bà L2 làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra tờ biên nhận nợ trên.

Quá trình điều tra Nguyễn Quốc S trình bày trong năm 2011 có vay của bà L2 tổng cộng 03 lần, lần cuối số tiền 1.380.000.000 đồng và đã đưa tiền cho Đinh Thanh S1 (Thiết) trả hết nợ cho bà L2. Khi đưa tiền cho Đinh Thanh S1 đi trả nợ, Nguyễn Quốc S có viết và cho Đinh Thanh S1 ký nhận vào cuốn sổ bìa

màu xanh có chữ "TENDER" và sổ nhật ký thu-chi của Công ty TNHH HT và trên tờ giấy A4. Tuy nhiên trong cuốn sổ bìa màu xanh có chữ "TENDER" và tờ giấy A4 Cơ quan điều tra thu được trong quá trình khám xét, thể hiện ngày 30/9 Nguyễn Quốc S đưa 1.380.000.000 đồng tiền gốc và 82.800.000 đồng tiền lãi cho Đinh Thanh S1 (Thiết) trả cho bà L2, trong khi trong "sổ danh thu T9" Nguyễn Quốc S ghi nội dung: "ngày 24/9 Nguyễn Quốc S có đưa cho Đinh Thanh S1 1.380.000.000 đồng tiền gốc và 66.240.000 đồng tiền lãi". Trần Thanh Q thừa nhận Nguyễn Quốc S là người kêu Q viết nội dung tờ biên nhận nợ tên Lưu Quốc S2, anh hoàn toàn không biết mục đích của Nguyễn Quốc S nhờ viết để làm gì.

Đối với Phan Văn D, thì D trình bày khoảng 01 tháng trước khi nghỉ, vào khoảng 17 giờ 00. D và Trần Thanh Q đang nằm xem tivi tại nhà nghỉ dành cho nhân viên Công ty TNHH HT, địa chỉ: số 398 HV, phường 3, Tp.Tân, Long An thì có Nguyễn Quốc S đến, S kêu Q đi qua phòng kế bên làm gì D không biết, khoảng 15 phút sau Q quay vào nói cho D biết S nhờ Q viết giấy biên nhận trả cho S.

Trong "sổ danh thu T9" mỗi ngày các mục thu – chi được kế toán ghi vào, đến cuối ngày được bà Nguyễn Thị I N hoặc Nguyễn Thị Ngọc Nh kiểm tra, ký xác nhận chốt lại. Tuy nhiên phần chữ viết giao tiền của Nguyễn Quốc S vào ngày 24/9 không thuộc mục chi trong sổ và không phải do kế toán ghi. Đinh Thanh S1 (Thiết) khai nhận việc ký nhận trên là do Nguyễn Quốc S kêu ký khống, thực tế không có nhận số tiền trên.

Ngoài ra tại mục chi ngày 01/10/2011 trong "sổ Danh thu T9" thể hiện ngày 01/10/2011 kế toán Cổ Thị Xuân Th ghi có chi trả cho bà L2 số tiền 20.000.000 đồng là phù hợp với lời khai của bị hại và Đinh Thanh S1 (Thiết) và phù hợp với ngày 01/10/2011 đã ghi trong tờ giấy nhận nợ mà Nguyễn Quốc S nhờ Trần Thanh Q viết.

Tại Bản kết luận giám định số 671/KL-PC54 ngày 04/01/2013 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận: Chữ viết tay trên tờ "Biên nhận" ghi ngày 1/10/2011, có nội dung "Biên nhận; Tôi có mượn của cô L2 số tiền là 1.380.000.000 đồng (một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng) lãi suất 6%/tháng; Long An, 1/10/2011; Ký nhận tên Lưu Quốc S2" cần giám định (Ký hiệu A1) với chữ viết tay của Trần Thanh Q trên "Bản tự khai" (Ký hiệu M1) và tờ cung cấp mẫu chữ viết (Ký hiệu M2) là do cùng một người viết ra.

Như vậy có đủ căn cứ chứng minh Nguyễn Quốc S sau khi vay của bà Dương Thị L2 số tiền tổng cộng 1.380.000.000 đồng, đã dùng thủ đoạn gian dối

cùng Đinh Thanh S1 (Thiết) tráo đổi biên nhận nợ nhằm chiếm đoạt số tiền đã vay của bà Dương Thị L2.

3. Đối với Đoàn Thị B

Do mối quan hệ quen biết với Bà Đoàn Thị B, vào tháng 9/2011 Nguyễn Quốc S vay của bà B số tiền 500.000.000 đồng, cứ 10 ngày thì S trả lãi cho bà B một lần tiền lãi là 11.500.000 đồng; bà B có nhận lãi do S trả 02 lần tại sạp bán thịt bò ở Chợ phường 2, mỗi lần trả lãi thì S đưa biên nhận mới cho bà B và lấy lại biên nhận cũ. Thời gian sau, Nguyễn Quốc S kêu nhân viên Đinh Thanh S1 (Thiết) đến nhà bà B trả lãi vài lần, mỗi lần trả lãi Đinh Thanh S1 (Thiết) đưa biên nhận mới cho bà B và lấy lại biên nhận cũ. Sau đó, bà B không thấy S trả lãi tiếp nên bà đến Chợ phường 2 hỏi thì Nguyễn Quốc S nói đã đưa tiền gốc, lãi cho Đinh Thanh S1 (Thiết) trả dứt nợ; bà B về nhà lấy biên nhận ra xem thì thấy biên nhận ghi tên Lê Quốc S, lúc đó bà biết đã bị lừa tráo biên nhận không phải chữ viết, chữ ký của Nguyễn Quốc S nên làm đơn tố cáo Nguyễn Quốc S, đồng thời giao nộp tờ Biên nhận tiền ghi tên Lê Quốc S cho Cơ quan điều tra.

Đinh Thanh S1 (Thiết) trình bày vào khoảng tháng 9/2011, Nguyễn Quốc S có kêu S (Thiết) đi trả tiền lãi cho bà B vài lần, mỗi lần là 11.500.000 đồng. Đến đầu tháng 10/2011, lúc khoảng 20 giờ, S giao cho Đinh Thanh S1 (Thiết) một biên nhận nợ không phải chữ viết và chữ ký của Nguyễn Quốc S có nội dung: "Tôi có mượn của Dì B số tiền 500.000.000 đồng" cùng tiền lãi 11.500.000 đồng. Sau đó, Đinh Thanh S1 (Thiết) đến nhà bà B trả lãi, giao biên nhận giả không phải chữ viết, chữ ký của Nguyễn Quốc S và lấy biên nhận thật về đưa cho Nguyễn Quốc S cất giữ.

Ngày 11/12/2014 Nguyễn Quốc S trình bày số tiền vay của bà B do Nguyễn Thị Ngọc Nh vợ S đi nhận giùm cho S tổng cộng 02 lần gồm lần đầu số tiền 400.000.000 đồng, lần hai số tiền 100.000.000 đồng. Mỗi lần nhận tiền Nh viết giấy nhận nợ riêng rồi đưa cho bà B giữ. Ngày 21/9/2011 Nguyễn Quốc S đưa tiền cho Đinh Thanh S1 (Thiết) 500.000.000 đồng tiền gốc và 14.950.000 đồng tiền lãi để trả cho bà B. Do bà B chỉ trả lại cho S tờ biên nhận nợ 100.000.000 đồng, tờ biên nhận nợ 400.000.000 đồng đã thất lạc. Đến ngày 23/9/2011 AL (nhằm ngày 19/10/2011 DL) Nguyễn Quốc S kêu vợ là Nguyễn Thị Ngọc Nh đến nhà yêu cầu bà B viết giấy xóa nợ cho Nh. Hiện Nguyễn Quốc S không còn nợ bà B.

Tại tờ giấy A4 và quyển sổ bìa xanh có chữ "TENDER" được thu giữ thể hiện ngày 24/10/2011 Nguyễn Quốc S đưa cho Đinh Thanh S1 (Thiết) 511.500.000 đồng, trong khi tại trang số 24 của "sổ danh thu T9" thể hiện ngày 21/9/2011 Nguyễn Quốc S có đưa tiền cho Đinh Thanh S1 (Thiết) số tiền

514.950.000 đồng để trả cho bà B. Tờ giấy xóa nợ do bà Đoàn Thị B viết cho Nguyễn Thị Ngọc Nh lại thể hiện ngày 23/9/2011 AL nhằm ngày 19/10/2011. Ngoài ra trong "sổ Danh thu T9" lại thể hiện đến ngày 03/10/2011 kế toán Nguyễn Thị Thùy Tr còn chi số tiền 11.500.000 đồng trả để cho bà B, có xác nhận của bà Nguyễn Thị I N. Như vậy cùng một nội dung và số tiền Nguyễn Quốc S đưa cho Đinh Thanh S1 (Thiết) đi trả cho bà B nhưng thể hiện vào các ngày khác nhau.

Tại bản kết luận giám định số 120/2015 ngày 13/4/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An, kết luận như sau:

- Chữ viết "500.000.000" tại dòng số 3 trên trang 46; "A.S đưa Thiết trả dì Bé (514950.000) tại dòng 25, 26, 27, trên trang 47, bằng bút bic màu xanh, trong quyển "Sổ danh thu T9" (ký hiệu A) với:

+ Chữ viết được bắt đầu: "Cộng hòa xã hội…" và kết thúc: "…Nguyễn Quốc S" bằng bút bic màu xanh, trên "Tờ tường trình", (ký hiệu M1);

+ Chữ viết được bắt đầu: "Hôm nay ngày 09/11/2011…" và kết thúc: "Nguyễn Quốc S" bằng bút bic màu xanh, (ký hiệu M2);

+ Chữ viết được bắt đầu: "Cộng hòa xã hội…" và kết thúc: "…Nguyễn Quốc S" bằng bút bic màu xanh, trên tờ "Tờ tường trình" ghi ngày 09/11/2011 (Ký hiệu M3). Là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết "72.000.000" tại dòng số 2 trên trang 46 bằng bút bic màu xanh, trong quyển "Sổ danh thu T9" (ký hiệu A) với:

+ Chữ viết được bắt đầu: "Cộng hòa xã hội…" và kết thúc: "…Nguyễn Quốc S" bằng bút bic màu xanh, trên "Tờ tường trình", (ký hiệu M1);

+ Chữ viết được bắt đầu: "Hôm nay ngày 09/11/2011…" và kết thúc: "Nguyễn Quốc S" bằng bút bic màu xanh, (ký hiệu M2);

+ Chữ viết được bắt đầu: "Cộng hòa xã hội…" và kết thúc: "…Nguyễn Quốc S" bằng bút bic màu xanh, trên tờ "Tờ tường trình" ghi ngày 09/11/2011 (Ký hiệu M3). Là không phải do cùng một người viết ra.

Như vậy số tiền 500.000.000 ghi tại dòng số 3 trên trang 46, trong quyển "Sổ doanh thu T9" là do Nguyễn Quốc S tự ghi, không phải do kế toán Công ty TNHH HT ghi, phần chữ viết của kế toán Cổ Thị Xuân Th ghi chi cho S 14.950.000 đồng đã bị xóa. Nội dung S ghi đưa cho Thiết 514.950.000 đồng để trả bà B không có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị I N và Nguyễn Thị Ngọc Nh; không có chữ ký nhận của Đinh Thanh S1 (Thiết). Do đó có thể xác định Công ty TNHH HT không có thu và chi cho Nguyễn Quốc S số tiền 500.000.000 đồng để trả cho bà Đoàn Thị B.

Kết quả làm việc và đối chất xác định lời khai của Nguyễn Thị Ngọc Nh mâu thuẩn với lời khai của Nguyễn Quốc S và Nguyễn Thị Ngọc L3 (Dung) đối với khoản tiền Nhàn và S đã vay của bà Đoàn Thị B. Việc bà Đoàn Thị B viết giấy xóa nợ cho Nguyễn Thị Ngọc Nh không liên quan đến số tiền 500.000.000 đồng mà Nguyễn Quốc S đã vay của bà Đoàn Thị B là có cơ sở.

Trong cuốn sổ bìa màu xanh có chữ "TENDER" và trên tờ giấy A4 do Cơ quan điều tra thu giữ được khi khám xét, thể hiện ngày 24/10/2011 Nguyễn Quốc S đưa cho Đinh Thanh S1 (Thiết) trả cho bà B 500.000.000 đồng tiền gốc và 11.500.000 đồng tiền lãi, có chữ ký nhận của Đinh Thanh S1 (Thiết). Đinh Thanh S1 (Thiết) thừa nhận có ký khống 02 lần theo yêu cầu của Nguyễn Quốc S, nhưng không có nhận khoản tiền trên để trả cho bà Đoàn Thị B.

Cùng một nội dung trả tiền cho bà Đoàn Thị B nhưng thể hiện việc chi trả trong ba thời gian khác nhau.

Tại biên bản đối chất ngày 02/12/2011 với Đoàn Thị B, Nguyễn Quốc S khai có vay của bà B số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 11.500.000/10 ngày, S là người trực tiếp nhận tiền và viết biên nhận nợ giao cho bà B giữ là mâu thuẩn với lời khai đối chất ngày 19/12/2014.

Tuy không tìm được người viết biên nhận giả để Đinh Thanh S1 (Thiết) đi tráo đổi, nhưng có đủ cơ sở để xác định Nguyễn Quốc S và Đinh Thanh S1 (Thiết) đã có thủ đoạn gian dối tương tự như trường hợp bà Dương Thị L2 để chiếm đoạt số tiền 500.000.000 đồng đã vay của bà Đoàn Thị B.

4. Đối với Nguyễn Thị Ngọc L3 (Dung)

Nguyễn Thị Ngọc L3 (Dung) là chị vợ của Nguyễn Quốc S, hàng ngày làm nghề buôn bán tại sạp thịt của Nguyễn Quốc S ở chợ phường 2, TP TA, Long An. Trước đây S có nhiều lần vay tiền của chị L3, việc vay chị L3 có ghi sổ và được S ký tên xác nhận. L3 khai đã cho S vay với tổng số tiền là 5.980.000.000 đồng, ngày 21/10/2011 S kêu chị L3 cho mượn sổ ghi nợ S vay để tính lãi, sau khi lấy được sổ của chị L3, S không trả lại và không thừa nhận đã vay tiền của chị L3 và tuyên bố không còn nợ L3.

Quá trình điều tra xác định năm 2011 chỉ vay tiền của L3 từ 01 đến 02 lần, mỗi lần vay 300 triệu đồng và đã trả xong, trong khi trên Sổ thu chi và Sổ danh thu T9 của Công ty TNHH HT do Nguyễn Thị Thùy Tr giao nộp cho Cơ quan điều tra thể hiện từ ngày 14/7/2011 đến ngày 12/10/2011 có ghi việc nhận tiền và trả tiền cho Nguyễn Thị Ngọc L3 (Dung) tổng cộng 12 lần nhận và 25 lần trả (Kèm theo bảng kê).

Kế toán Cổ Thị Xuân H2, Cổ Thị Xuân Th xác nhận năm 2011 nhiều lần nhận tiền do Nguyễn Thị Ngọc L3 (Dung) chị vợ của S đưa theo chỉ đạo của S để trả nợ cho Ngân hàng Vietcombank, Ngân hàng Eximbank và trả nợ cho các lái bò. Số tiền vay và trả cho L3 (Dung) thì H3, Th có ghi vào sổ nhật ký thu chi và Sổ danh thu T9. Bà Nguyễn Thị I N (mẹ ruột S) cũng khai việc nhận và trả tiền vay cho L3 (Dung) là do S cho bà tạm ứng được kế toán ghi vào sổ thu chi của Công ty TNHH HT, cuối ngày bà kiểm tra sổ thu - chi và ký xác nhận vào sổ.

Phan Văn D phụ bán thịt bò cho S tại sạp thịt cũng xác nhận không thấy ai đến gửi tiền cho S nhờ trả cho L (Dung) và thấy nhiều lần L3 (Dung) đưa tiền cho S vay.

Nguyễn Thị Ngoc L3 đã bị mất sổ nợ nên không có cơ sở xác định chính xác tổng số tiền S còn nợ. Căn cứ vào "Sổ thu chi" và "Sổ danh thu T9" thể hiện từ ngày 04/09/2011 đến ngày 12/10/2011 Công ty TNHH HT nhận của L3 tổng cộng 11 lần số tiền 3.430.000.000 đồng và trả cho Lan tổng cộng 13 lần số tiền 1.444.096.000 đồng. Số tiền còn chênh lệch chưa trả cho Lan là 1.985.904.000 đồng.

Như vậy có đủ cơ sở chứng minh Nguyễn Quốc S vay tiền của Nguyễn Thị Ngọc L3 (Dung) nhiều lần, thực hiện hành vi lấy sổ ghi nợ của Chị L3 để chiếm đoạt là 1.985.904.000 đồng.

5. Đối với Nguyễn Thị L4 (Duyên)

Từ năm 2009 đến 10/2011 Nguyễn Thị L4 (Duyên) có cho Nguyễn Quốc S vay nhiều lần, mỗi lần vay số tiền từ 100 triệu đồng đến 300 triệu đồng, Nguyễn Quốc S ký nhận vào sổ ghi nợ của chị L4. Việc nhận và trả tiền vốn, lãi vay thực hiện tại nhà số 398 HV. Đến tháng 10/2011 Nguyễn Quốc S đi cùng với Đinh Thanh S1 (Thiết) đến nhà chị L4 đề nghị chị L4 đưa sổ nợ cho Nguyễn Quốc S xem, tổng kết số nợ đã vay của chị L4 để lập sổ nợ mới. Sau khi tổng kết số nợ đã vay của chị L4 là 1.370.000.000 đồng, Nguyễn Quốc S ghi lại rồi trả lại sổ nợ cho chị L4 (Duyên), đồng thời giới thiệu Đinh Thanh S1 (Thiết) là người làm của Nguyễn Quốc S, sau này sẽ thay S mang tiền đến nhà trả cho chị L4, rồi cả hai ra về.

Đến tối ngày hôm sau Nguyễn Quốc S đưa cho Đinh Thanh S1 10 triệu đồng cùng một cuốn sổ ghi nợ trong đó thể hiện số tiền vay của chị Lan là 1.370.000.000 đồng nhưng chữ viết, chữ ký không phải của Nguyễn Quốc S. Đinh Thanh S1 (Thiết) cùng với Trần Tấn Ph đến nhà chị L4 trả tiền lãi, Đinh Thanh S1 (Thiết) đưa cho chị L4 cuốn sổ nợ mới và yêu cầu chị L4 đưa lại cuốn sổ ghi nợ cũ. Chị L4 kiểm tra nội dung ghi trong sổ nợ mới do Thiết đưa thấy

chữ viết, chữ ký nhận nợ không phải của Nguyễn Quốc S mà để tên người nhận nợ là Lưu Quốc S nên chị L4 không đồng ý đổi sổ nợ, đồng thời gọi điện hỏi Nguyễn Quốc S thì được S nói do bận đi Tp.HCM không có ở nhà nên nhờ vợ viết thay, chị L4 không đồng ý nên Nguyễn Quốc S nói để khi nào về sẽ viết lại sổ nợ rồi đổi cho chị L4 sau. Ngày hôm sau Nguyễn Quốc S đưa cho Đinh Thanh S1 (Thiết) cuốn sổ ghi nợ mới (có chữ viết, chữ ký đúng với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Quốc S) đến đổi sổ nợ cũ với chị L4. Sau khi Nguyễn Quốc S bị bắt, bà Nguyễn Thị I N đã trả hết số tiền 1.370.000.000 đồng cho chị L4.

Đối với trường hợp của bà Nguyễn Thị M:

Vào năm 2011 có cho Nguyễn Quốc S vay tiền nhiều lần, mỗi lần từ 50 triệu đồng đến 300 triệu đồng. Trong tháng 10/2011 S vay 300 triệu đồng, S có viết biên nhận nợ giao cho chị M giữ; việc cho vay và nhận tiền vốn, lãi giao dịch trực tiếp với Nguyễn Quốc S, nhưng có một lần S đến nhà chị M trả tiền và đi cùng người làm tên Đinh Thanh S1 (Thiết), Nguyễn Quốc S giới thiệu sau này Đinh Thanh S1 (Thiết) sẽ thay S đến giao dịch với chị M. Sau đó S đưa tiền cho Đinh Thanh S1 (Thiết) đến trả được hai lần, mỗi lần khoảng 10 triệu đồng; hiện đã trả hết vốn cho chị M, không còn nợ.

Trần Tấn Ph là người làm công cho Nguyễn Quốc S từ tháng 10/2010 đến 10/2011 thì nghỉ với lý do: Vào khoảng 19 giờ thời gian tháng 10/2011 Trần Tấn Ph điều khiển xe mô tô Future chở Nguyễn Quốc S, còn Đinh Thanh S1 (Thiết) đi xe mô tô một mình đến nhà bà Nguyễn Thị M (6 Mỹ); khi còn cách nhà bà M khoảng 20m, Nguyễn Quốc S và Đinh Thanh S1 (Thiết) cùng đi vào nhà bà M, Ph đứng ngoài chờ, khoảng 15 phút sau Nguyễn Quốc S và Đinh Thanh S1 (Thiết) quay trở ra kêu Phát chở S về nhà 398 HV. Sau đó Ph chở Đinh Thanh S1 đi thu tiền bán thịt bò, trên đường đi Đinh Thanh S1 (Thiết) nói cho Ph biết vừa rồi Nguyễn Quốc S và Đinh Thanh S1 định tráo đổi giấy nợ của bà M nhưng không đổi được. Ngày hôm sau khoảng 20 giờ, Nguyễn Quốc S kêu Ph chở Đinh Thanh S1 (Thiết) đến nhà bà Nguyễn Thị L4 (Duyên), Phát đứng bên ngoài, Đinh Thanh S1 (Thiết) đi vào bên trong nhà bà L4 (Duyên), khoảng 15 phút sau Đinh Thanh S1 (Thiết) quay trở ra kêu Ph chở đi, trên đường về Đinh Thanh S1 (Thiết) nói cho Ph biết bà L (Duyên) phát hiện không đổi được. Từ đó Ph biết Đinh Thanh S1 và Nguyễn Quốc S thực hiện việc tráo đổi sổ nợ, giấy nợ nên tự ý nghỉ việc.

Quá trình điều tra các bị hại, người có liên quan đã giao nộp cho Cơ quan điều tra các tài liệu gồm: Nguyễn Thị H1 cung cấp các bản photo 03 tờ biên nhận nợ mà S đã vay của bà H1, phía sau có chữ viết tính lãi các phần nợ đã vay ghi trong 03 tờ giấy photo trên và 28 trang giấy ghi tên khách hàng và số tiền

bán thịt bò đã thu của khách hàng; Nguyễn Thị Thùy Tr giao nộp 02 quyển sổ thu - chi trong gia Nguyễn Quốc S; Dương Thị L2, Đoàn Thị B giao nộp tờ biên nhận nợ vay tiền. Tiến hành giám định, kết quả như sau:

Tại bản kết luận giám định số 674/KL-PC54, ngày 19/12/2011 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An, kết luận:

+ Chữ viết tay bằng bút bic màu xanh trên hai tài liệu cần giám định (Ký hiệu: A1 và A2), trừ dòng chữ "Đưa thêm Lam 3585000" với chữ viết tay bằng bút bic màu xanh của Nguyễn Quốc S trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu: M1, M2, M3 và M4) là do cùng một người viết ra.

+ Chữ viết tay bằng bút bíc màu xanh có nội dung "Đưa thêm Lam 3585000" trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu: A2) với chữ viết tay bằng bút bíc màu xanh của Nguyễn Quốc S trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu: M1, M2, M3 và M4) là không phải do cùng một người viết ra.

Tại Bản kết luận giám định số 132/KL-PC54, ngày 19/3/2012 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận:

+ Chữ viết tay trên bản photo có nội dung:

"27/5-36/6…19.800.000" (dòng 2 và 3 của trang 1), "28/5-30/6…6.400.000" (dòng 5 và 6 của trang 1), "31/5-30/6…30.000.000" (dòng 2 và 3 của trang 2) và 4/6-30/6…10.000.000" (dòng 5 và 6 của trang 2) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1;

"17/6-30/6…5.200.000" (dòng 2 và 3 của trang 1), "18/6-30/6…7.200.000" (dòng 6 và 7 của trang 1), Ngày 22/6 H3 nhận 3.500.000" (dòng 1, 2 và 3 của trang 2) và "29/6 Thu nhận…800.000" (dòng 4, 5 và 6 của trang 2) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2;

"Bắt đầu 1/5/11 nợ gốc 4.tỉ 335.000.000" (dòng 1 và 2), "1/5-16/5… 130.050.000" (dòng 5 và 6), "16/5-18/5…13.140.000" (dòng 8, 9 và 10) và 18/5-30/5… Còn nợ gốc 1 tỉ 985 tr" (dòng 13, 14, 15 và 16) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3; với chữ viết tay của Nguyễn Quốc S trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu: M1, M2, M3, M4, M6, và M7), là do một người viết ra.

+ Chữ viết tay và chữ ký trên bản photo có nội dung "16/5/2011 T có nhận … Lê Văn T" và chữ ký trên dòng chữ "Lê Văn T (ở dòng 3, 4, 5 và 6) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 với chữ viết tay, chữ ký của Lê Văn T trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu: M8), là do cùng một người viết và ký ra.

+ Chữ viết tay và chữ ký trên bản photo có nội dung: "18/5/11 DL C. Hoa nhận 700.000.000 (Bảy trăm triệu)", 30/5/11 DL C. Hoa nhận 600.000.000 (Sáu trăm triệu đồng)", chữ ký dưới dòng chữ "Bảy trăm triệu" và "Sáu trăm triệu

đồng" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 với chữ viết tay, chữ ký của Nguyễn Thị H1 trên hai tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M5 và M9), là do cùng một người viết và ký ra.

+ Chữ ký trên bản photo ở sau dòng chữ "…H3 nhận 100.000.000" (dòng 4 của trang 1), "…H3 nhận 500.000.000" (dòng 1 của trang 2), và "…Thu nhận 200.000.000" (dòng 4 của trang 2) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1;

Sau dòng chữ "H3 nhận 250.000.000" (dòng 1 của trang 2) và "Thu nhận 400.000.000" (dòng 4 của trang 2) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2; với chữ ký của Nguyễn Quốc S trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2, M3, M4, M6 và M7), là do cùng một người ký ra.

-Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3, phần chữ viết tay bằng bút bíc màu xanh có nội dung "19/5 mượn 400.000.000 - 20/5 trả gốc 400.000.000 - lãi 1ng x 2 x 400 = 800.000" được viết sau phần viết tay photo có nội dung "Bắt đầu …Còn nợ gốc 1 tỉ 985tr".

+ Chữ viết tay trên tờ "Biên nhận" ghi ngày 4/10, có nội dung "Biên nhận; Hôm nay ngày 4/10 tôi có mượn của Dì Bé số tiền là (500.000.000) (Năm trăm triệu chẵn); Mỗi ngày trả lãi là 1.150.000; Lê Quốc S" cần giám định (Ký hiệu A2) với chữ viết tay của Trần Thanh Q trên "BẢN TỰ KHAI" (Ký hiệu: M1) và tờ cung cấp mẫu chữ viết (Ký hiệu: M2) là không phải do cùng một người viết ra.

6. Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ bản chính các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Nguyễn Quốc S đứng tên nên không xem xét, xử lý vật chứng theo yêu cầu của VKSND tối cao và TAND tối cao.

Trong thời qua gia đình Nguyễn Quốc S đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại được số tiền là 1.148.300.000 đồng (chị B: 24.800.000 đồng, chị L2: 43.500.000 đồng, chị H1: 1.080.000.000 đồng) trên tổng số tiền S đã chiếm đoạt là 8.940.904.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 42/2013/HSST ngày 02/6/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Quốc S và Đinh Thanh S1 phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc S 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/5/2012.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Quốc S để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khỏan 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Thanh S1 (Thiết) 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 608 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Nguyễn Quốc S phải tiếp tục hoàn trả số tiền chiếm đoạt còn lại cho các bị hại:

- Dương Thị L2, số tiền: 1.336.500.000 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

- Đoàn Thị B, số tiền: 475.200.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc S và bà Nguyễn Thị I N phải liên đới hoàn trả số tiền còn lại cho bị hại:

- Nguyễn Thị H1, số tiền: 3.995.000.000 đồng (Ba tỷ chín trăm chín lăm triệu đồng).

- Nguyễn Thị Ngọc L3 (Dung) số tiền: 1.985.904.000 đồng (Một tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu chín trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Tổng số tiền phải bồi hoàn là: 7.792.604.000 đồng (Bảy tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Ngày 20/6/2013 bị cáo Nguyễn Quốc S kháng cáo.

Ngày 26/6/2013 bị cáo Đinh Thanh S1 kháng cáo.

Ngày 26/6/2013 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị I N kháng cáo.

Ngày 27/6/2013 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc Nh kháng cáo.

Tại bản án phúc thẩm số 257/2014/HSPT ngày 09/5/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy bản án hình sự sơ thẩm số 42/2013/HSST ngày 02/6/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử lại.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 41/2015/HSST ngày 31/7/2015, Tòa án nhân dân Long An quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Quốc S, Đinh Thanh S1 phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc S: 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/5/2012. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Quốc S để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Thanh S1 (Thiết): 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 608 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc S phải tiếp tục hoàn trả số tiền chiếm đoạt còn lại cho:

- Dương Thị L2, số tiền: 1.336.500.000 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

- Đoàn Thị B, số tiền: 475.200.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc S và bà Nguyễn Thị I N – Giám đốc Công ty TNHH HT phải liên đới hoàn trả số tiền còn lại cho:

- Nguyễn Thị H1, số tiền: 3.995.000.000 đồng (Ba tỷ chín trăm chín mươi lăm triệu đồng).

- Nguyễn Thị Ngọc L3 (Dung) số tiền: 1.985.904.000 đồng (Một tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu chín trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12/8/2015, bị cáo Nguyễn Quốc S kháng cáo kêu oan.

Ngày 10/8/2015, bà Nguyễn Thị I N đại diện bị đơn dân sự Công ty TNHH HT kháng cáo không đồng ý với Nguyễn Quốc S trả tiền cho các bị hại.

Ngày 13/8/2015, bị cáo Đinh Thanh S1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ quan và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 41/2015/HSST ngày 31/07/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh

Long An. Tuy nhiên, thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội do có sự chuyển biến của pháp luật về hình sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm 02 năm tù đối với bị cáo Nguyễn Quốc S.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Về hình thức đơn kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

1/ Bị cáo Nguyễn Quốc S bị tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 20 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Ngày 03/8/2015 bị cáo Nguyễn Quốc S kháng cáo kêu oan.

2/ Bị cáo Đinh Thanh S1 (Thiết) bị tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 05 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Ngày 11/7/2015 bị cáo Đinh Thanh S1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị I N kháng cáo không đồng ý về việc liên đới trả nợ cùng Nguyễn Quốc S.

[2] Xét thấy Nguyễn Quốc S là phó giám đốc của Công ty TNHH HT, từ năm 2009 đến 2011, công ty có vay mượn tiền của nhiều người gồm: Nguyễn Thị H1, Đoàn Thị B, Dương Thị L2, Nguyễn Thị Ngọc L3 (Dung), Nguyễn Thị L4 (Duyên) và Nguyễn Thị M, đến tháng 11/2011 Nguyễn Quốc S không có khả năng thanh toán nợ vay cho Nguyễn Thị H1, Đoàn Thị B, Dương Thị L2, Nguyễn Thị Ngọc L3 (Dung) để chiếm đoạt tiền vay của những chủ nợ trên, Nguyễn Quốc S đã chủ mưu cùng với Đinh Thanh S1 (Thiết) đi lấy cắp sổ nợ của bà Nguyễn Thị H1; đồng thời Nguyễn Quốc S cũng đã cất giấu sổ theo dõi việc Nguyễn Quốc S vay tiền của bà Nguyễn Thị H1, cất giấu các sổ nhật ký thu - chi của Công ty TNHH HT và gia đình S có phần nội dung ghi chép số tiền vay Nguyễn Thị H1, và lập sổ cho Đinh Thanh S1 (Thiết) ký nhận khống 07 lần tiền đem trả cho bà H1 để hợp thức hóa việc trả nợ cho Nguyễn Thị H1 với số tiền 5.075.000.000 đồng và đã chiếm đoạt số tiền này; đồng thời Nguyễn Quốc S còn bàn bạc với Đinh Thanh S1 (thiết) đánh tráo biên nhận nợ giả không phải chữ viết, chữ ký của Nguyễn Quốc S cho bà Dương Thị L2, Đoàn Thị B thông qua việc trả lãi để thu giấy biên nhận thật (cũ) về, giao biên nhận giả (mới), chiếm đoạt của bà Đoàn Thị B 500.000.000 đồng, của Dương Thị L2

1.380.000.000 đồng. Đối với chủ nợ Nguyễn Thị Ngọc L3 (Dung) là chị vợ của Nguyễn Quốc S thì Nguyễn Quốc S đã nhiều lần vay tiền, việc vay được chị L3 ghi lại vào sổ cho S ký nhận, khoảng giữa tháng 10/2011 S yêu cầu cho mượn sổ để tổng kết nợ rồi chiếm giữ luôn quyển sổ và tuyên bố không còn nợ tiền và đã chiếm đoạt của Nguyễn Thị Ngọc L3 số tiền 1.985.904.000 đồng.

[3] Bị cáo Nguyễn Quốc S không thừa nhận việc thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Bị cáo kháng cáo kêu oan. Tuy nhiên, qua xem xét các chứng cứ được thể hiện trong vụ án như: lời khai của các bị hại là chủ nợ, lời khai của bị cáo Đinh Thanh S1 cùng với các nhân chứng và các tài liệu chứng từ đã thu thập được trong quá trình điều tra cộng với kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An đã có đủ căn cứ để xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc S đủ yếu tố cấu thành tội "lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" mà cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên phạt là đúng người, đúng tội không làm oan bị cáo. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo.

[4] Bị cáo Đinh Thanh S1 (Thiết) thừa nhận hành vi giúp sức cho bị cáo Nguyễn Quốc S. Do đó khi lượng hình cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính nuôi 02 con nhỏ, vợ bị bệnh bướu ác tính, sức khỏe yếu có xác nhận của chính quyền địa phương, gia đình có công cách mạng có bà ngoại là bà mẹ Việt Nam anh hùng, có 02 cậu là liệt sỹ. Đây là tình tiết xem xét giảm nhẹ cho bị cáo điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Sau khi cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cấp sơ thẩm đã xử phạt 05 năm tù là tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[5] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị I N kháng cáo về liên đới chịu trách nhiệm dân sự trong việc bồi thường cho các chủ nợ.

[6] Xét thấy khi người vay đưa tiền thì kế toán Công ty TNHH HT do bà Nguyễn Thị I N làm giám đốc có ghi vào sổ Thu – Chi, chi trả tiền lãi. Mục đích vay của bị cáo Nguyễn Quốc S là để làm vốn kinh doanh cho công ty chứ không phải vay cho cá nhân Quốc S, cho nên, cấp sơ thẩm buộc bà phải có trách nhiệm liên đới cùng với bị cáo Nguyễn Quốc S bồi thường lại cho: Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Ngọc L3 (Dung) là có căn cứ. Việc bà cho rằng đây là sổ gia đình ghi nên không liên quan đến công ty của bà, số tiền ghi sổ là do bà mượn qua lại với S là không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà Nê.

[7] Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc Nh. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nhàn đã tự nguyện rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ, không xem xét.

[8] Xét thấy quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ đúng pháp luật. Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo kêu oan của các bị cáo về tội danh và hình phạt cũng như người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về việc liên đới hoàn trả số tiền cho các bị hại mà bản án sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên, căn cứ điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội: " Thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 về việc thi hành Bộ luật Hình sự; tiếp tục áp dụng khoản 2 Điều 1 và các quy định khác có lợi cho người phạm tội tại Nghị quyết số 109/2015/QH13" Hội đồng xét xử giảm hình phạt từ 20 năm tù xuống còn 18 năm tù theo khoản 4 Điều 175 của Bộ Luật hình sự 2015 cho bị cáo Nguyễn Quốc S.

[9] Tại phiên tòa ngày hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát cấp cao đề nghị sửa bản án hình sự sơ thẩm số 41/2015/HSST ngày 31/07/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An vì áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 có lợi cho người phạm tội phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Do kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận đơn kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Quốc S, bị cáo Đinh Thanh S1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị I N.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 41/2015/HSST ngày 31/07/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Quốc S, Đinh Thanh S1 phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc S: 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/5/2012.

Áp dụng khoản 4 Điều 175 năm 2015; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Đinh Thanh S1 (Thiết): 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 608 Bộ luật dân sự 2005.

Buộc các bị cáo Nguyễn Quốc S phải tiếp tục hoàn trả số tiền chiếm đoạt còn lại cho:

- Dương Thị L2, số tiền: 1.336.500.000 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

- Đoàn Thị B, số tiền: 475.200.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc S và bà Nguyễn Thị I N – Giám đốc Công ty TNHH HT phải liên đới hoàn trả số tiền còn lại cho:

- Nguyễn Thị H1, số tiền: 3.995.000.000 đồng (Ba tỷ chín trăm chín mươi lăm triệu đồng).

- Nguyễn Thị Ngọc L3 (Dung) số tiền: 1.985.904.000 đồng (Một tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu chín trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, bên chậm thi hành phải chịu thêm lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án theo khoản 2 Điều 305 Bộ Luật dân sự quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đình chỉ giải quyết đối với kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc Nh.

Bị cáo Quốc S và bị cáo Thanh S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 11 tháng 6 năm 2018).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Công an tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Long An;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Long An (để tống đạt cho bị cáo);
- Bị cáo Thanh S, bị hại, NLQ;
- Lưu: VP, HS, 20b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Yên